

CÔNG TY
CỔ PHẦN
DƯỢC
PHẨM
TRUNG
ƯƠNG
VIDIPHA

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
TRUNG ƯƠNG VIDIPHA
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ
MINH, L=Quận Phú Nhuận,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM TRUNG
ƯƠNG VIDIPHA,
OID.0.9.2342.19200300.100
.1.1=MST:0300470246
Reason: I am the author of
this document
Location: your signing
location here
Date: 2024.08.14
14:15:29+0700
Foxit PDF Reader Version:
11.1.0

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-35
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10-35

4/2023 - 10/2023

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha được thành lập theo Quyết định số 468/2003/QĐ-BYT ngày 30/01/2003 của Bộ trưởng Bộ Y Tế về việc chuyển Công ty Phát triển Kỹ Nghệ Dược Trung Ương trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam thành công ty cổ phần, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300470246 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 03 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 25 tháng 07 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Kiều Hữu	Chủ tịch
Ông Hoàng Thế Bắc	Thành viên thường trực
Ông Hoàng Văn Hoà	Thành viên
Ông Phạm Tuấn Kiệt	Thành viên
Ông Trần Văn Đạt	Thành viên
Ông Nguyễn Trần Hiếu	Thành viên
Bà Nguyễn Ngọc Trang	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Hoà	Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Hoàng Oanh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Doãn Thị Ngọc Bội	Trưởng ban
Ông Nguyễn Quang Toàn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thuý	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Hoà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Số: 140824.017/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha được lập ngày 12 tháng 08 năm 2024, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		794.829.245.675	875.016.373.267
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	99.227.336.213	213.987.603.712
111	1. Tiền		99.227.336.213	213.987.603.712
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	77.000.000.000	119.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		77.000.000.000	119.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		255.585.221.865	238.612.274.837
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	187.264.651.542	200.705.794.704
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	52.003.416.201	21.377.777.226
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	17.329.866.589	17.541.415.374
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.012.712.467)	(1.012.712.467)
140	IV. Hàng tồn kho	9	356.636.296.437	296.735.523.987
141	1. Hàng tồn kho		356.636.296.437	296.735.523.987
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.380.391.160	6.680.970.731
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.940.275.597	2.018.912.567
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.876.284.537	2.623.959.855
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	2.563.831.026	2.038.098.309
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		340.781.560.111	218.429.005.997
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		630.461.129	1.037.530.568
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		595.461.129	1.002.530.568
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	35.000.000	35.000.000
220	II. Tài sản cố định		205.219.651.862	210.977.229.959
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	166.520.561.057	172.051.409.984
222	- Nguyên giá		410.135.631.607	400.594.860.519
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(243.615.070.550)	(228.543.450.535)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	38.699.090.805	38.925.819.975
228	- Nguyên giá		43.522.264.506	43.522.264.506
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.823.173.701)	(4.596.444.531)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		324.123.797	203.753.427
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		324.123.797	203.753.427
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	127.176.239.795	5.000.000.000
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		127.176.239.795	5.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		7.431.083.528	1.210.492.043
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	7.431.083.528	1.210.492.043
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.135.610.805.786	1.093.445.379.264

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		422.475.713.777	361.463.196.271
310	I. Nợ ngắn hạn		422.475.713.777	361.463.196.271
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	39.937.673.109	27.958.549.251
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.447.459.900	4.127.103.005
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	3.147.007.058	-
314	4. Phải trả người lao động		12.916.001.301	17.332.545.018
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	2.952.242.356	322.106.215
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	16.648.741.285	20.625.711.483
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	330.448.058.903	273.139.296.814
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		14.978.529.865	17.957.884.485
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		713.135.092.009	731.982.182.993
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	713.135.092.009	731.982.182.993
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		184.029.040.000	184.029.040.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		184.029.040.000	184.029.040.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		216.656.999.980	216.656.999.980
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		269.879.748.658	242.085.672.537
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		42.569.303.371	89.210.470.476
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		9.382.288.479	8.991.626.866
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		33.187.014.892	80.218.843.610
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.135.610.805.786	1.093.445.379.264



Nghiêm Minh Tuấn
Người lập



Hoàng Thế Bắc
Kế toán trưởng



Hoàng Văn Hoà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHASố 184/2 Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí MinhBáo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	(đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	432.398.662.610	521.861.874.513
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	7.727.553.602	32.679.745.711
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		424.671.109.008	489.182.128.802
11	4. Giá vốn hàng bán	22	310.399.666.716	354.243.178.295
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		114.271.442.292	134.938.950.507
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	9.953.240.895	5.721.929.828
22	7. Chi phí tài chính	24	10.756.886.998	15.722.473.476
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		7.921.322.243	12.501.502.166
25	8. Chi phí bán hàng	25	40.711.385.695	50.041.309.293
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33.047.600.486	22.194.584.055
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		39.708.810.008	52.702.513.511
31	11. Thu nhập khác	27	61.535.173.697	35.780.933.342
32	12. Chi phí khác	28	59.555.534.123	28.806.541.603
40	13. Lợi nhuận khác		1.979.639.574	6.974.391.739
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		41.688.449.582	59.676.905.250
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	8.501.434.690	12.236.919.130
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>33.187.014.892</u>	<u>47.439.986.120</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	1.503	2.313

Nghiêm Minh Tuấn
Người lậpHoàng Thế Bắc
Kế toán trưởngHoàng Văn Hoà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	(đã điều chỉnh) VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		41.688.449.582	59.676.905.250
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		15.298.349.185	12.889.354.596
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(45.198.138)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(8.423.261.634)	(5.207.445.335)
06	- Chi phí lãi vay		7.921.322.243	12.501.502.166
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		56.439.661.238	79.860.316.677
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(17.219.522.295)	16.709.000.989
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(59.900.772.450)	4.463.319.559
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		3.425.550.026	11.768.848.606
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(6.141.954.515)	(1.270.095.955)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(7.965.129.565)	(12.501.502.166)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.002.743.000)	(11.003.177.958)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.006.200.496)	(8.206.644.260)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(45.371.111.057)	79.820.065.492
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(9.661.141.458)	(33.378.516.867)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(199.176.239.795)	(137.283.349.291)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		119.407.069.439	139.371.952.732
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.540.094.870	5.207.445.335
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(80.890.216.944)	(26.082.468.091)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		329.624.908.444	278.513.839.066
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(272.316.146.355)	(336.492.300.813)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(45.852.899.725)	(23.818.137.400)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		11.455.862.364	(81.796.599.147)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2024	2023 (đã điều chỉnh)
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(114.805.465.637)	(28.059.001.746)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		213.987.603.712	88.123.356.427
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		45.198.138	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>99.227.336.213</u>	<u>60.064.354.681</u>

Nghiêm Minh Tuấn
Người lập

Hoàng Thế Bắc
Kế toán trưởng



Hoàng Văn Hoà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha được thành lập theo Quyết định số 468/2003/QĐ-BYT ngày 30/01/2003 của Bộ trưởng Bộ Y Tế về việc chuyển Công ty Phát triển Kỹ Nghệ Dược Trung Ương trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam thành công ty cổ phần, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300470246 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 03 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 25 tháng 07 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 184.029.040.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 184.029.040.000 VND; tương đương 18.402.904 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là: 591 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 607 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh thương mại, dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu, nguyên liệu, hoá chất (trừ hoá chất có tính độc hại mạnh), mỹ phẩm, thực phẩm (không sản xuất thực phẩm tươi sống ở các khu dân cư tập trung tại thành phố Hồ Chí Minh), vật tư máy móc, trang thiết bị y tế;
- Tư vấn về chuyển giao công nghệ;
- Kinh doanh khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ bảo quản và kiểm nghiệm thuốc.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Trong 6 tháng đầu năm nay, doanh số bán hàng của Công ty giảm so với cùng kỳ năm ngoái, dẫn đến doanh thu và lợi nhuận gộp của Công ty giảm lần lượt 17,14% và 27,05% so với cùng kỳ năm ngoái.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha

Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha

Chi nhánh Miền Trung - Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha

Chi nhánh Tây Nam Bộ - Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha

Địa chỉ

Khu phố Tân Bình, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Số BT6-3, Khu đô thị mới Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số 188 Lý Thái Tông, phường Hoà Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Số 41-43 Đường D24, KDC Hồng Loan, KV5 phường Hưng Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Chi nhánh Đông Nam Bộ - Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Trung tâm phát triển mỹ phẩm và dược phẩm - Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha

Số 68/118 đường Đồng Nai, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha tại Cần Thơ

Số B109-111, đường D4, KDC Hồng Loan (Nam Cần Thơ), phường Hưng Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 11 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Quyền sử dụng đất	43 - 47 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần và chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp thẳng.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 tháng đến 36 tháng.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 02 tháng đến 36 tháng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí cam kết bán hàng trích trước ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**2.21 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty là các sản phẩm thuốc và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	1.610.660.575	1.109.302.183
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	97.616.675.638	212.878.301.529
	99.227.336.213	213.987.603.712

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	77.000.000.000	-	119.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	77.000.000.000	-	119.000.000.000	-
- Trái phiếu (**)	127.176.239.795	-	5.000.000.000	-
	127.176.239.795	-	5.000.000.000	-
	204.176.239.795	-	124.000.000.000	-

(*) Tại ngày 30/06/2024, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất từ 5,0%/năm đến 7,1%/năm. Các khoản tiền gửi ngân hàng có giá trị 55.000.000.000 VND đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam và Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam.

(**) Trái phiếu tại ngày 30/06/2024 bao gồm:

- Khoản trái phiếu do Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam phát hành có kỳ hạn 72 tháng kể từ ngày phát hành 12/11/2018 với lãi suất của trái phiếu tại thời điểm 30/06/2024 là 7,3%/năm. Khoản này được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam.
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh có tổng số dư là 122.176.239.795 VND, bao gồm:
 - + Trái phiếu HDBL2330003 có số dư là 29.986.052.310 VND có thời hạn là 84 tháng kể từ ngày phát hành 22/08/2023 với lãi suất của trái phiếu tại thời điểm 30/06/2024 là 6,8%/năm;
 - + Trái phiếu HDBL2331006 có số dư là 29.967.632.865 VND có thời hạn là 96 tháng kể từ ngày phát hành 08/12/2023 với lãi suất của trái phiếu tại thời điểm 30/06/2024 là 6,8%/năm;
 - + Trái phiếu HDBL2330001 có số dư là 1.362.397.800 VND có thời hạn là 84 tháng kể từ ngày phát hành 26/06/2023 với lãi suất của trái phiếu tại thời điểm 30/06/2024 là 6,8%/năm;
 - + Trái phiếu HDBL2331004 có số dư là 29.804.013.120 VND có thời hạn là 96 tháng kể từ ngày phát hành 06/11/2023 với lãi suất của trái phiếu tại thời điểm 30/06/2024 là 6,8%/năm;
 - + Trái phiếu HDBL2431003 có số dư là 31.056.143.700 VND có thời hạn là 84 tháng kể từ ngày phát hành 20/06/2024 với lãi suất của trái phiếu tại thời điểm 30/06/2024 là 7,0%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Bên liên quan</i>	5.977.875.600	-	2.969.277.045	-
Công ty TNHH Dược phẩm Trâm Bảo Khoa	1.574.947.350	-	1.233.396.045	-
Công ty TNHH Nutri - Pharma USA	4.402.928.250	-	1.735.881.000	-
<i>Bên khác</i>	181.286.775.942	(1.012.712.467)	197.736.517.659	(1.012.712.467)
- Công ty TNHH Dược phẩm và Thiết bị Y tế Bình An	1.004.501.867	-	5.503.789.551	-
- Công Ty Dược Phẩm Trung Ương I-Pharbaco	10.483.023.600	-	-	-
- Công ty TNHH CM BIOPHAR	7.361.802.855	-	1.753.765.560	-
- Các khách hàng khác	162.437.447.620	(1.012.712.467)	190.478.962.548	(1.012.712.467)
	187.264.651.542	(1.012.712.467)	200.705.794.704	(1.012.712.467)

6 . TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Rusan Pharm Ltd	5.193.406.610	-	5.193.406.610	-
- ORCHID PHARMA LIMITED	28.687.285.000	-	-	-
- Zhejiang Anglikang Pharmaceutical Co.,Ltd	6.249.375.000	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	11.873.349.591	-	16.184.370.616	-
	52.003.416.201	-	21.377.777.226	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.507.090.051	-	2.623.923.287	-
Phải thu về BHXH, BHYT	2.506.546.103	-	2.223.301.593	-
Tạm ứng	5.486.648.742	-	2.867.311.049	-
Ký cược, ký quỹ	708.610.155	-	647.032.557	-
Thuế TNCN phải thu người lao động	3.838.631.563	-	3.737.398.530	-
Phải thu khác	2.282.339.975	-	5.442.448.358	-
	17.329.866.589	-	17.541.415.374	-

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	35.000.000	-	35.000.000	-
	35.000.000	-	35.000.000	-

8 . NỢ XẤU

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Bệnh viện Bà Rịa	248.847.206	-	248.847.206	-
- Các khoản khác	763.865.261	-	763.865.261	-
	1.012.712.467	-	1.012.712.467	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	193.114.069.758	-	147.600.755.980	-
Công cụ, dụng cụ	3.350.667.814	-	2.059.030.514	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.232.037.630	-	2.129.946.852	-
Thành phẩm	151.505.269.062	-	140.756.845.090	-
Hàng hoá	4.434.252.173	-	4.188.945.551	-
	356.636.296.437	-	296.735.523.987	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	149.233.024.974	229.581.238.275	16.853.915.738	4.926.681.532	400.594.860.519
- Mua trong kỳ	-	2.745.060.000	54.027.000	-	2.799.087.000
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	6.741.684.088	-	-	-	6.741.684.088
Số dư cuối kỳ	155.974.709.062	232.326.298.275	16.907.942.738	4.926.681.532	410.135.631.607
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	56.472.548.968	157.197.745.026	10.076.289.237	4.796.867.304	228.543.450.535
- Khấu hao trong kỳ	4.126.094.502	9.913.263.639	1.023.158.122	9.103.752	15.071.620.015
Số dư cuối kỳ	60.598.643.470	167.111.008.665	11.099.447.359	4.805.971.056	243.615.070.550
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	92.760.476.006	72.383.493.249	6.777.626.501	129.814.228	172.051.409.984
Tại ngày cuối kỳ	95.376.065.592	65.215.289.610	5.808.495.379	120.710.476	166.520.561.057

Trong đó: Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 142.977.632.061 VND.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	39.985.064.506	3.537.200.000	43.522.264.506
Số dư cuối kỳ	39.985.064.506	3.537.200.000	43.522.264.506
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	3.169.924.614	1.426.519.917	4.596.444.531
- Khấu hao trong kỳ	102.158.334	124.570.836	226.729.170
Số dư cuối kỳ	3.272.082.948	1.551.090.753	4.823.173.701
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	36.815.139.892	2.110.680.083	38.925.819.975
Tại ngày cuối kỳ	36.712.981.558	1.986.109.247	38.699.090.805

Trong đó: Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 750.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(*) Giá trị quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không xác định thời hạn số DC573340, tại phường Suối Tre, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai; Nguyên giá tại thời điểm 30/06/2024 là: 11.557.500.000 VND;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không xác định thời hạn số CC982428, tại khu TDC Hòa Minh 1, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, Đà Nẵng; Nguyên giá tại thời điểm 30/06/2024 là: 13.121.280.000 VND;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không xác định thời hạn số: CQ404317, tại Khu dân cư số 6, khu đô thị mới Nam Cần Thơ, phường Hưng Thạnh, quận Cái Răng, TP. Cần Thơ; Nguyên giá tại thời điểm 30/06/2024 là: 3.541.266.000 VND;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không xác định thời hạn số: CG533292, tại BT6-3, khu đô thị mới Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, TP.Hà Nội; Nguyên giá tại thời điểm 30/06/2024 là: 2.541.858.000 VND;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thời hạn đến 26/03/2052 số: BE300248, tại xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; Nguyên giá tại thời điểm 30/06/2024 là: 9.223.160.506 VND.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	362.272.666	50.255.964
Chi phí sửa chữa, bảo trì máy móc, phần mềm	759.391.774	1.880.096.603
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	818.611.157	88.560.000
	<u>1.940.275.597</u>	<u>2.018.912.567</u>
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa hoàn thiện vỉa hè, mái tôn, văn phòng	1.904.801.569	178.861.300
Chi phí thuê Văn phòng	169.260.000	433.730.000
Dịch vụ vận chuyển, bảo quản thuốc Methadone	1.566.416.050	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.947.616.904	597.900.743
Chi phí trả trước dài hạn khác	842.989.006	-
	<u>7.431.083.528</u>	<u>1.210.492.043</u>

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>30/06/2024</u>		<u>01/01/2024</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Bên liên quan	-	-	147.000.000	147.000.000
Công ty TNHH Dược Phẩm Trâm Bảo Khoa	-	-	147.000.000	147.000.000
Bên khác	39.937.673.109	39.937.673.109	27.811.549.251	27.811.549.251
Hec Pharm Co.Ltd	-	-	4.071.210.699	4.071.210.699
Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	5.408.364.150	5.408.364.150	-	-
Sinopharm Weiqida Pharmaceutical Co., Ltd	7.817.270.000	7.817.270.000	-	-
Đối tượng khác	26.712.038.959	26.712.038.959	23.740.338.552	23.740.338.552
	<u>39.937.673.109</u>	<u>39.937.673.109</u>	<u>27.958.549.251</u>	<u>27.958.549.251</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	1.629.821.488		-		12.591.082.191		13.524.146.860		2.562.886.157			
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	351.684.632		-		8.501.434.690		5.002.743.000		-			3.147.007.058
Thuế Thu nhập cá nhân	56.592.189		-		5.056.001.342		5.000.354.022		944.869			-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		564.452.200		564.452.200		-			-
Các loại thuế khác	-		-		26.973.500		26.973.500		-			-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		9.000.000		9.000.000		-			-
	2.038.098.309		-		26.748.943.923		24.127.669.582		2.563.831.026			3.147.007.058

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HÀNG

	30/06/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
- Chi phí lãi vay	278.298.893		322.106.215	
- Chi phí cam kết bán hàng (*)	2.673.943.463		-	
	2.952.242.356		322.106.215	

(*) Chi phí cam kết bán hàng là khoản chiết khấu thương mại Công ty sẽ phải giảm trừ cho khách hàng nếu khách hàng đạt đủ doanh số mua hàng cả năm.

16 . PHẢI TRẢ NGÂN HÀNG KHÁC

	30/06/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
- Tài sản thừa chờ giải quyết	3.436.906		3.436.906	
- Kinh phí công đoàn	745.553.899		684.663.513	
- Bảo hiểm xã hội	-		12.577.507	
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.980.822		1.005.039.882	
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.235.309.827		7.080.949.552	
- Quỹ đóng góp của người lao động	4.571.982.459		3.203.617.784	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.089.477.372		8.635.426.339	
	16.648.741.285		20.625.711.483	

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sĩ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

17 . VAY

	01/01/2024		Trong kỳ		30/06/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	273.139.296.814	167.804.941.972	329.624.908.444	272.316.146.355	330.448.058.903	330.448.058.903
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (1)	118.660.768.337	118.660.768.337	161.214.205.733	118.949.340.080	160.925.633.990	160.925.633.990
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (2)	-	-	14.737.062.380	-	14.737.062.380	14.737.062.380
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (3)	-	-	22.362.191.280	-	22.362.191.280	22.362.191.280
- Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam (4)	28.729.236.683	28.729.236.683	48.936.347.924	28.729.236.683	48.936.347.924	48.936.347.924
- Ngân hàng United Overseas Bank (5)	10.581.995.750	10.581.995.750	47.722.107.500	10.582.795.750	47.721.307.500	47.721.307.500
- Ngân hàng TMCP Quân đội	29.199.204.360	-	-	29.199.204.360	-	-
- Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank - Chi nhánh Hồ Chí Minh	76.135.150.482	-	-	76.135.150.482	-	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (6)	-	-	34.652.993.627	-	34.652.993.627	34.652.993.627
- Vay Cán bộ Công nhân viên (7)	9.832.941.202	9.832.941.202	-	8.720.419.000	1.112.522.202	1.112.522.202
	273.139.296.814	167.804.941.972	329.624.908.444	272.316.146.355	330.448.058.903	330.448.058.903

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng cấp tín dụng số TBN201912502271/HĐCTD ngày 14/05/2019 và phụ lục số TBN201912502271/HĐCTD/PL799579 ngày 28/12/2023 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 290.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của phụ lục: Từ ngày 28/12/2023 đến hết ngày 28/12/2024;
 - + Lãi suất cho vay: Xác định tại thời điểm giải ngân của từng khế ước nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 160.925.633.990 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp, bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.
- (2) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 03/CV-0016/KHDN/20NH ngày 25/10/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/SDBS-03/CV-0016/KHDN/20NH ngày 26/10/2023 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức cho vay: 100.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Tài trợ nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Đến hết tháng 7 năm 2024;
 - + Lãi suất cho vay: Xác định tại thời điểm giải ngân và được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 14.737.062.380 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp, bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.
- (3) Hợp đồng tín dụng số SHBVN/CMC/052024/HĐTD/VIDIPHA ngày 07/06/2024 giữa Công ty và Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng;
 - + Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất cố định theo mức lãi suất quy định trên Đơn rút vốn vay kiêm Khế ước nhận nợ của từng khoản vay; lãi suất điều chỉnh áp dụng lãi suất tham chiếu kỳ hạn 03 tháng cộng (+) Biên độ được quy định trên Đơn rút vốn vay kiêm khế ước nhận nợ của từng khoản vay và được điều chỉnh 03/tháng một lần trong suốt Thời hạn cho vay;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 22.362.191.280 VND;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: Không có tài sản đảm bảo.
- (4) Hợp đồng cho vay hạn mức số VN120002388/2024/WBVN201 ngày 17/05/2024 giữa Công ty và Ngân hàng TNHH MTV WOORI Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức cho vay: 50.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Kể từ ngày 18/05/2024 đến hết ngày 16/05/2025;
 - + Lãi suất cho vay: Xác định tại thời điểm giải ngân của từng khế ước nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 48.936.347.924 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp tiền gửi số HDTCTG-VDP-001 ngày 16/09/2020 và Hợp đồng cầm cố trái phiếu số HDCCTP-VDP-001 ngày 16/09/2020; đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

- (5) Hợp đồng tín dụng số UOB/HCMC/CB-21192 ngày 19/10/2021 giữa Công ty và Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng và được tự động gia hạn nhiều lần;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất được xác định theo từng Thông báo rút vốn ứng với mỗi khoản vay;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 1.875.750 USD tương đương 47.721.307.500 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (6) Hợp đồng cho vay hạn mức số 51/2023-HĐCVHM/NHCT907-VDP ngày 22/09/2023 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 2 TP.HCM với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức cho vay: 50.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Từ ngày 22/09/2023 đến hết ngày 31/08/2024;
 - + Lãi suất cho vay: là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 34.652.993.627 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.
- (7) Hợp đồng vay cán bộ công nhân viên ngày 31/12/2023, với các điều khoản chi tiết như sau:
- + Số tiền vay: 9.832.941.202 VND;
 - + Mục đích vay: Sử dụng làm tiền lương tháng 13/2023;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ thời điểm nhận tiền vay;
 - + Lãi suất cho vay: 0%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 1.112.522.202 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	168.319.040.000	176.039.519.980	-	218.000.928.673	64.234.008.952	626.593.497.605
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	47.439.986.120	47.439.986.120
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2022	-	-	-	24.084.743.864	(24.084.743.864)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022	-	-	-	-	(7.383.869.901)	(7.383.869.901)
Chia cổ tức năm 2022	-	-	-	-	(25.247.856.000)	(25.247.856.000)
Số dư cuối kỳ trước	168.319.040.000	176.039.519.980	-	242.085.672.537	54.957.525.307	641.401.757.824
Số dư đầu kỳ này	184.029.040.000	216.656.999.980	-	242.085.672.537	89.210.470.476	731.982.182.993
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	33.187.014.892	33.187.014.892
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2023	-	-	-	27.794.076.121	(27.794.076.121)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023	-	-	-	-	(6.417.507.488)	(6.417.507.488)
Chia cổ tức năm 2023	-	-	-	-	(46.007.260.000)	(46.007.260.000)
Tặng khác	-	-	-	-	390.661.612	390.661.612
Số dư cuối kỳ này	184.029.040.000	216.656.999.980	-	269.879.748.658	42.569.303.371	713.135.092.009

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01-NQ/ĐHĐCĐ-VDP ngày 13/04/2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100	80.218.843.610
Trích Quỹ đầu tư phát triển	34,65%	27.794.076.121
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8,00%	6.417.507.488
Chia cổ tức năm 2023 (tỷ lệ 25% trên mệnh giá)	57,35%	46.007.260.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	14,29%	26.301.060.000	14,29%	26.301.060.000
Công ty TNHH Nutri - Pharma USA	8,15%	15.000.000.000	8,15%	15.000.000.000
Kiểu Hữu	6,96%	12.800.380.000	6,96%	12.800.380.000
Kiểu Thúy Mai	5,57%	10.257.870.000	5,57%	10.257.870.000
Các cổ đông khác	65,03%	119.669.730.000	65,03%	119.669.730.000
	100%	184.029.040.000	100%	184.029.040.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2024 VND	06 tháng đầu năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	184.029.040.000	168.319.040.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>184.029.040.000</i>	<i>168.319.040.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>184.029.040.000</i>	<i>168.319.040.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	<i>7.080.949.552</i>	<i>5.811.457.952</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ</i>	<i>46.007.260.000</i>	<i>25.247.856.000</i>
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	46.007.260.000	25.247.856.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	<i>(45.852.899.725)</i>	<i>(23.818.137.400)</i>
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(45.852.899.725)	(23.818.137.400)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	<i>7.235.309.827</i>	<i>7.241.176.552</i>

d) Cổ phiếu

	30/06/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.402.904	18.402.904
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	18.402.904	18.402.904
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18.402.904</i>	<i>18.402.904</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.402.904	18.402.904
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18.402.904</i>	<i>18.402.904</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

e) Các quỹ công ty

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	269.879.748.658	242.085.672.537
	<u>269.879.748.658</u>	<u>242.085.672.537</u>

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh với mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Cụ thể như sau:

STT	Bên cho thuê	Vị trí	Diện tích	Thời gian thuê
1	Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh	184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận.	1887,8 m ²	Gia hạn từng năm

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2024	01/01/2024
- Đồng đô la Mỹ (USD)	5.628,71	60.208,95

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trần Đình Tâm	1.329.524.179	1.329.524.179
Trung tâm y tế Khánh Sơn	268.075.890	268.075.890
Công ty TNHH NN MTV Dược TYT Quảng Ngãi	122.126.602	122.126.602

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	123.833.742	24.643.000
Doanh thu bán thành phẩm	432.274.828.868	521.837.231.513
	<u>432.398.662.610</u>	<u>521.861.874.513</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	<u>44.645.581.500</u>	<u>64.889.876.640</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	7.313.613.884	30.454.568.224
Hàng bán bị trả lại	413.939.718	2.225.177.487
	7.727.553.602	32.679.745.711
22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	123.050.651	99.067.351
Giá vốn của thành phẩm đã bán	310.276.616.065	354.144.110.944
	310.399.666.716	354.243.178.295
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	1.032.501.313	155.050.000
23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	8.423.261.634	5.207.445.335
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.484.781.123	514.484.493
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	45.198.138	-
	9.953.240.895	5.721.929.828
24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	7.921.322.243	12.501.502.166
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	2.831.084.038	3.220.971.310
Chi phí tài chính khác	4.480.717	-
	10.756.886.998	15.722.473.476
25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.118.689.810	1.447.187.703
Chi phí nhân công	21.774.728.717	28.593.133.274
Chi phí khấu hao tài sản cố định	193.974.671	101.488.728
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.972.407.106	7.081.793.889
Chi phí khác bằng tiền	9.651.585.391	7.833.226.582
Chi phí chương trình hậu mãi	-	4.984.479.117
	40.711.385.695	50.041.309.293

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.040.675.305	1.267.235.473
Chi phí nhân công	22.736.644.334	12.832.012.334
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.579.086.185	1.480.772.778
Thuế, phí, lệ phí	649.014.467	562.497.524
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.315.158.422	2.496.512.270
Chi phí khác bằng tiền	2.727.021.773	3.555.553.676
	33.047.600.486	22.194.584.055

27 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ bán nguyên vật liệu	61.123.977.070	34.587.319.209
Thuế nhập khẩu được hoàn	-	407.880.000
Thu nhập khác	411.196.627	785.734.133
	61.535.173.697	35.780.933.342

28 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí bán nguyên vật liệu	59.116.264.220	28.640.777.712
Thanh lý thuốc hết hạn, bị thu hồi, hư hỏng	390.018.168	136.553.126
Chi phí khác	49.251.735	29.210.765
	59.555.534.123	28.806.541.603

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	41.688.449.582	59.676.905.250
Các khoản điều chỉnh tăng	818.723.866	1.507.690.400
- Chi phí không hợp lệ	818.723.866	1.507.690.400
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	42.507.173.448	61.184.595.650
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	8.501.434.690	12.236.919.130
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(351.684.632)	4.735.943.423
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(5.002.743.000)	(11.003.177.958)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	3.147.007.058	5.969.684.595

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	33.187.014.892	47.439.986.120
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	33.187.014.892	47.439.986.120
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	22.083.392	20.512.392
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.503	2.313

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	284.478.629.964	338.820.911.318
Chi phí nhân công	69.586.029.525	58.499.787.627
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.298.349.185	12.889.354.596
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.391.267.939	19.907.018.635
Chi phí khác bằng tiền	6.776.509.665	31.325.858.376
	393.530.786.278	461.442.930.552

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/06/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	97.616.675.638	-	-	97.616.675.638
Phải thu khách hàng, phải thu khác	203.581.805.664	35.000.000	-	203.616.805.664
Các khoản cho vay	77.000.000.000	127.771.700.924	-	204.771.700.924
	<u>378.198.481.302</u>	<u>127.806.700.924</u>	<u>-</u>	<u>506.005.182.226</u>
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	212.878.301.529	-	-	212.878.301.529
Phải thu khách hàng, phải thu khác	217.234.497.611	35.000.000	-	217.269.497.611
Các khoản cho vay	119.000.000.000	6.002.530.568	-	125.002.530.568
	<u>549.112.799.140</u>	<u>6.037.530.568</u>	<u>-</u>	<u>555.150.329.708</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2024				
Vay và nợ	330.448.058.903	-	-	330.448.058.903
Phải trả người bán, phải trả khác	56.586.414.394	-	-	56.586.414.394
Chi phí phải trả	2.952.242.356	-	-	2.952.242.356
	389.986.715.653	-	-	389.986.715.653
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	273.139.296.814	-	-	273.139.296.814
Phải trả người bán, phải trả khác	48.584.260.734	-	-	48.584.260.734
Chi phí phải trả	322.106.215	-	-	322.106.215
	322.045.663.763	-	-	322.045.663.763

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu số 286/VDP ngày 04/07/2024 của Công ty gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, cụ thể như sau:

- Số lượng cổ phiếu phát hành thêm: 3.680.488 cổ phiếu;
 - Tỷ lệ thực hiện quyền: 100:20 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu phổ thông vào ngày chốt danh sách hưởng quyền sẽ được nhận 20 cổ phiếu mới);
 - Nguồn vốn phát hành: Nguồn thặng dư vốn cổ phần trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 của Công ty;
 - Ngày kết thúc đợt phát hành: 28/06/2024;
 - Ngày chốt danh sách cổ đông: 04/07/2024;
 - Tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành: 22.083.392 cổ phiếu, trong đó số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 22.083.392 cổ phiếu; số lượng cổ phiếu quỹ là 0 cổ phiếu.
- Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Nutri - Pharma USA	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Dược Phẩm Trâm Bảo Khoa	Thành viên HĐQT Công ty là Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Dược phẩm Trâm Bảo Khoa
Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty	

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Bán hàng	44.645.581.500	64.889.876.640
Công ty TNHH Nutri - Pharma USA	32.008.198.000	40.478.106.000
Công ty TNHH Dược Phẩm Trầm Bảo Khoa	12.637.383.500	24.411.770.640
Mua hàng	1.032.501.313	155.050.000
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	952.150.000	8.050.000
Công ty TNHH Nutri - Pharma USA	80.351.313	-
Công ty TNHH Dược Phẩm Trầm Bảo Khoa	-	147.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	1.730.749.260	3.711.504.892
Ông Kiều Hữu - chủ tịch HĐQT	240.000.000	1.035.392.000
Ông Hoàng Thế Bắc - Thành viên HĐQT	128.000.000	601.064.000
Ông Hoàng Văn Hoà - Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	698.099.280	1.112.503.692
Bà Đinh Thị Hoàng Oanh - Phó Tổng giám đốc	264.649.980	359.545.200
Ông Phạm Tuấn Kiệt - Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Trần Văn Đạt - Thành viên HĐQT	120.000.000	243.000.000
Ông Nguyễn Trần Hiếu - Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Bà Nguyễn Ngọc Trang - Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2023)	40.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Hải Dương - Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2023)	-	90.000.000
Thu nhập của Ban kiểm soát	647.768.629	867.907.323
Bà Doãn Thị Ngọc Bội - Trưởng Ban kiểm soát	281.876.960	392.411.369
Bà Nguyễn Thị Thuý - Thành viên Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2023)	86.020.969	40.000.000
Ông Nguyễn Quang Toàn - Thành viên Ban kiểm soát	279.870.700	435.495.954

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024. Theo đó số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính kỳ trước VND	Số liệu điều chỉnh lại VND	Chênh lệch VND
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh				
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	3.879.745.711	32.679.745.711	28.800.000.000
Chi phí bán hàng	25	78.841.309.293	50.041.309.293	(28.800.000.000)

NghiêM Minh Tuấn
Người lậpHoàng Thế Bắc
Kế toán trưởngHoàng Văn Hoà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2024

